

Số: 604/QĐ-UBND

TP. Sóc Trăng, ngày 22 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 12)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Công văn số 1511/UBND-KT ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc chấp thuận chủ trương hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng);

Căn cứ Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 12);

Qua xem xét Báo cáo thẩm định số 163/BC-TNMT, ngày 21 tháng 5 năm 2025 và Tờ trình số 208/TTr-TNMT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 12), cụ thể như sau:

- Tổng số hộ gia đình, cá nhân điều chỉnh, bổ sung: 03 hộ, trong đó có 01 hộ điều chỉnh thu hồi đất loại đất trồng cây lâu năm với diện tích 11,8 m²

- Tổng kinh phí dự toán điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ: 490.030.910 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu, không trăm ba mươi ngàn, chín trăm mười đồng), trong đó:

- Kinh phí bồi thường trực tiếp:	480.422.461 đ
A. Chính sách bồi thường:	
Bồi thường về đất:	6.502.500 đ
Bồi thường cây trồng, hoa màu:	3.546.700 đ
B. Chính sách hỗ trợ:	
Hỗ trợ khác:	439.955.334 đ
+ Hỗ trợ về nhà:	415.822.581 đ
+ Hỗ trợ về Công trình:	24.132.753 đ
Hỗ trợ di chuyển:	10.000.000 đ
Hỗ trợ đào nghề và tìm kiếm việc làm:	0.00 đ
Hỗ trợ hộ gia đình neo đơn, có hoàn cảnh khó khăn (hộ nghèo):	5.000.000 đ
Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:	15.417.927 đ
C. Chi phí tổ chức thực hiện 2%:	9.608.449 đ
(Trong đó chi phí thẩm định 5%:	480.000 đ)

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cụ thể như sau:

1. Đề nghị Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Sóc Trăng phối hợp với chủ đầu tư, các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân Phường 5 công bố niêm yết công khai Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng, tại trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 5 và địa điểm sinh hoạt của khu dân cư nơi có đất, vật kiến trúc bị ảnh hưởng; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ đến các hộ bị ảnh hưởng được biết, tổ chức thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo quyết định đã được phê duyệt.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm đăng quyết định này trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữ nguyên không đổi.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất, Giám đốc

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 5 thành phố Sóc Trăng, Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII, Ban Quản lý Dự án 2 tỉnh Sóc Trăng và các đối tượng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT; các PCT;
- VPHĐND&UBND TP
(để đăng công thông tin);
- Thanh tra thành phố;
- NCTH;
- Lưu: VT (Kèm hồ sơ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Nhanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHƯƠNG ÁN

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 12)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 604/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

I. Thông tin về dự án

1. Tên dự án: Đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn – Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng.
2. Địa điểm xây dựng: Phường 5, Phường 6 và Phường 8, thành phố Sóc Trăng.
3. Nguồn vốn: ngân sách Nhà nước theo Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng
4. Thời gian thực hiện: 2021-2025.
5. Phạm vi thu hồi đất theo tuyến: Chủ đầu tư cung cấp cấm cọc giải phóng mặt bằng và mảnh trích đo địa chính phục vụ giải phóng mặt bằng do Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện.
6. Tổng số hộ gia đình, cá nhân, bị ảnh hưởng: 03 hộ, trong đó có 03 hộ điều chỉnh, bổ sung (có 01 hộ điều chỉnh thu hồi đất loại đất trồng cây lâu năm với diện tích 11,8 m²)

II. Nội dung Phương án

Điều chỉnh, bổ sung phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại tại Quyết định số Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 12) cụ thể như sau:



1. Sơn Ngọc Lành tại thứ tự số 1 của bảng tổng hợp và bảng tính chi tiết với số tiền: 173.400.000 đồng. Nay điều chỉnh với số tiền: 487.986.038 đồng và điều chỉnh tên Sơn Ngọc Lành thành tên Sơn Ngọc Lành (Ngô Thị Xuân).

2. Lâm Anh Tuấn tại thứ tự số 2 của bảng tổng hợp và bảng tính chi tiết với số tiền: 66.845.700 đồng. Nay điều chỉnh với số tiền: 206.097.752 đồng.

3. Ngô Thị Phụng tại thứ tự số 3 của bảng tổng hợp và bảng tính chi tiết với số tiền: 38.184.000 đồng. Nay điều chỉnh với số tiền: 64.768.371 đồng.

Tổng kinh phí dự toán điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ: 490.030.910 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu, không trăm ba mươi nghìn, chín trăm mười đồng).

- Kinh phí bồi thường trực tiếp:	480.422.461 đ
A. Chính sách bồi thường:	
Bồi thường về đất:	6.502.500 đ
Bồi thường nhà và công trình:	0.00 đ
Bồi thường cây trồng, hoa màu:	3.546.700 đ
B. Chính sách hỗ trợ:	
Hỗ trợ khác:	439.955.334 đ
+ Hỗ trợ về nhà:	415.822.581 đ
+ Hỗ trợ về Công trình:	24.132.753 đ
Hỗ trợ di chuyển:	10.000.000 đ
Hỗ trợ đào nghề và tìm kiếm việc làm:	0.00 đ
Hỗ trợ hộ gia đình neo đơn, có hoàn cảnh khó khăn (hộ nghèo):	5.000.000 đ
Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:	15.417.927 đ
C. Chi phí tổ chức thực hiện 2%:	9.608.449 đ

(Kèm theo bảng tổng hợp và bảng tính chi tiết)

III. Tổ chức thực hiện

- Giao Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Sóc Trăng phối hợp với chủ đầu tư, các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân Phường 5 công bố niêm yết công khai Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng, tại trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 5 và địa điểm sinh hoạt của khu dân cư nơi có đất, vật kiến trúc bị ảnh hưởng; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ đến các hộ bị ảnh hưởng được biết, tổ chức thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo quyết định đã được phê duyệt; tuyên truyền, giải thích, hướng dẫn cho nhân dân địa phương được biết.

- Trong quá trình chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ nếu phát hiện có sai sót giao Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Sóc Trăng phối hợp với các ngành có liên quan và chủ đầu tư kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại trong quá trình bồi thường, hỗ trợ, cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét giải quyết và chỉ được chi trả bồi thường, hỗ trợ sau khi tranh chấp đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết.



BẢNG TÍNH CHI TIẾT CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG VÀNH ĐAI I (ĐOẠN TỪ NGÃ BA LÊ DUẨN - PHẠM HÙNG PHƯỚC BÊN ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG 6, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG), TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 604/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Họ và tên: **Sơn Ngọc Lành (Ngô Thị Xuân)**

Địa chỉ thường trú/tạm trú: 506 Tôn Đức Thắng khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng

A. Chính sách bồi thường:

I. Các loại đất:

STT	Loại đất	Vị trí/tên đường	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnd)	Thành tiền (vnd)	Số tờ	Số thửa	Ghi chú
1	CLN;	Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng (đoạn ranh hẻm chùa Phước Nghiêm - giáp ranh UBND phường 5)	52,70	2.890.000	152.303.000	31	349	
2	CLN;	Vị trí 2; Thửa đất tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng (đoạn ranh hẻm chùa Phước Nghiêm - giáp ranh UBND phường 5)	11,80	1.445.000	17.051.000	31	349	
3	CLN;	Vị trí 2; Thửa đất tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng (đoạn ranh hẻm chùa Phước Nghiêm - giáp ranh UBND phường 5)	7,30	1.445.000	10.548.500	31	349	
Tổng cộng			71,80		179.902.500			

II. Nhà và công trình phụ:

III. Công trình, vật kiến trúc khác:

IV. Cây trồng, hoa màu, vật nuôi:

STT	Cây trồng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (vnd)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
1	Mít khác - loại B (Từ 1 năm đến 2 năm)	Đồng/cây	1,00	659.100	100	659.100	Cây trồng trên phần đất ông Sơn Ngọc Lành bán cho Tô Thành Tòng
2	Nhãn da bò và nhãn khác - loại C (Dưới 1 năm)	Đồng/cây	1,00	318.500	100	318.500	Tô Thành Tòng
3	Lê Ki ma - loại A (Trên 3 năm)	Đồng/cây	1,00	1.200.000	100	1.200.000	Sơn Ngọc Lành
4	Mít khác - loại B (Từ 1 năm đến 2 năm)	Đồng/cây	1,00	659.100	100	659.100	Sơn Ngọc Lành

5	Đường kính nhỏ < 5cm đối với chiều cao < 1m	đồng/cây	4,00	100.000	100	400.000	Hỗ trợ di dời cây kiểng Sơn Ngọc Lành
Tổng cộng						3.236.700	

B. Chính sách hỗ trợ:

I. Hỗ trợ khác:

1. Nhà và công trình phụ:

STT	Loại nhà	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnđ)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnđ)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Nhà: Mái tole sóng vuông (hoặc tole giá ngói) - Nhà độc lập, khung cột BTCT, móng BTCT gia cố cừ các loại, nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm.	45,92	4.939.000			70	158.759.216	Nhà chú Sơn ngọc Lành
2	Hàng ba: Mái bê tông cốt thép - Nhà độc lập, khung cột BTCT, móng BTCT gia cố cừ các loại, nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm.	10,83	5.682.000	2.220.150		70	41.521.137	Nhà chú Sơn Ngọc Lành
2.1	Không có trần	10,83	205.000	2.220.150				
3	Mái tole sóng vuông (hoặc tole giá ngói) - Nhà độc lập, khung cột BTCT, móng BTCT gia cố cừ các loại, nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm.	24,00	4.939.000			62	73.492.320	Nhà Sơn Ngọc Lợi
Tổng cộng							273.772.673	

2. Công trình, vật kiến trúc khác:

STT	Hạng mục	Khối lượng (m ² , m ³ , cái, ...)	Đơn giá (vnđ)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnđ)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			

1	Mái che: Trần và mái nhà (Mái tole + kết cấu đỡ mái bằng thép)	17,36	383.000		70	4.654.216	Nhà chú Sơn Ngọc Lành
2	Tam cấp lót gạch ceramic/gạch men	6,72	1.330.000		70	6.256.320	Nhà chú Sơn Ngọc Lành
3	Giấy dán tường	32,20	60.000		70	1.352.400	Nhà chú Sơn Ngọc Lành
4	Sân nền (Láng xi măng - có lót BT đá 4x6)	4,50	198.000		70	623.700	Nhà Sơn Ngọc Lợi
5	Trần và mái nhà (Mái tole + kết cấu đỡ mái bằng thép)	12,09	383.000		70	3.241.329	Nhà Sơn Ngọc Lợi
6	Hàng rào (Lưới B40 cọc đá, cọc BTCT đúc sẵn)	24,72	259.000		70	4.481.736	Công trình Xây dựng của ông Tô Thanh Tòng
7	Hàng rào (Kẽm gai, cọc gỗ)	6,38	104.000		70	464.464	Sơn Ngọc Lành
Tổng cộng						21.074.165	

II. Hỗ trợ di chuyển:

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Mức hỗ trợ (vnđ)	Thành tiền (vnđ)	Ghi chú
1	Bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển	1	50	10.000.000	5.000.000	Nhà ở bị giải tỏa 1 phần
Tổng cộng					5.000.000	

III. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:

STT	Tổng giá trị bồi thường nhà, công trình, cây trồng	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnđ)	Ghi chú
1	477.986.038	4	5.000.000	Được tính bằng 4% tổng số tiền bồi thường, không vượt mức 5.000.000
Tổng cộng			5.000.000	

*** TỔNG CỘNG SỐ TIỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: 487.986.038 đồng**

(Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi tám đồng)

- Giá trị bồi thường hỗ trợ theo Quyết định 1551/QĐ-UBND ngày 31/7/2024: **173.400.000 đ**
- Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ và định cư điều chỉnh: **487.986.038 đ**
- Chênh lệch tăng: **314.586.038 đ**

BẢNG TÍNH CHI TIẾT CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG VÀNH ĐAI I (ĐOẠN TỪ NGÃ BA LÊ DUÂN - PHẠM HÙNG, PHƯỜNG 8 ĐẾN ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG 6, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG), TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 604/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Họ và tên: **Lâm Anh Tuấn**

Địa chỉ thường trú/tạm trú: 498/22/4 Tôn Đức Thắng, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng

A. Chính sách bồi thường:

I. Các loại đất:

STT	Loại đất	Vị trí/tên đường	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnđ)	Thành tiền (vnđ)	Số tờ	Số thửa	Ghi chú
1	CLN	Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp hẻm 498/22/1 đường Tôn Đức Thắng	86,70	771.000	66.845.700	31	382	
Tổng cộng			86,70		66.845.700			

II. Nhà và công trình phụ:

III. Công trình, vật kiến trúc khác:

IV. Cây trồng, hoa màu, vật nuôi:

STT	Cây trồng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (vnđ)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnđ)	Ghi chú
1	Đu đủ - loại A (Cây trong giai đoạn cho trái)	Đồng/cây	1,00	310.000	100	310.000	
Tổng cộng						310.000	

B. Chính sách hỗ trợ:

I. Hỗ trợ khác

1. Nhà và công trình phụ:

STT	Loại nhà	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnđ)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnđ)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Hàng ba: Mái tole sóng vuông (hoặc tole giả ngói) - Nhà độc lập, khung cột BTCT (kể cả cột BTĐS, cột gỗ, cột thép, khung thép), (móng không phải BTCT gia cố cừ các loại), nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm.	11,50	3.271.000	3.864.000		70	23.626.750	
1.1	Không có trần	11,50	196.000	2.254.000				
1.2	Nền láng xi măng	11,50	140.000	1.610.000				
2	Nhà chính: Mái tole sóng vuông (hoặc tole giả ngói) - Nhà độc lập, khung cột BTCT (kể cả cột BTĐS, cột gỗ, cột thép, khung thép), (móng không phải BTCT	46,46	3.271.000	15.610.560		70	95.452.070	

	gia cố cừ các loại), nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm.						
2.1	Nền láng xi măng	46,46	140.000	6.504.400			
2.2	Không có trần	46,46	196.000	9.106.160			
Tổng cộng						119.078.820	

2. Công trình, vật kiến trúc khác:

STT	Hạng mục	Khối lượng (m ² , m ³ , cái, ...)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Giấy dán tường	11,96	60.000			70	502.320	
2	Sân nền (Lót gạch tàu, đal xi măng)	9,20	161.000			70	1.036.840	
3	Đal bép BTCT: Khối bê tông có cốt thép	0,12	4.729.000			70	397.236	
Tổng cộng							1.936.396	

II. Hỗ trợ di chuyển:

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Mức hỗ trợ (vnd)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
1	Bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển	1	100	5.000.000	5.000.000	Nhà ở bị giải tỏa có diện tích xây dựng nhỏ hơn hoặc bằng 60 m ²
2	Hộ gia đình neo đơn, có hoàn cảnh khó khăn (hộ nghèo)	1	100	5.000.000	5.000.000	
Tổng cộng					5.000.000	

III. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:

STT	Tổng giá trị bồi thường nhà, công trình, cây trồng	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
1	198.170.916	4	7.926.836	Giả tòa trắng Được tính bằng 4% tổng số tiền bồi thường, không vượt mức 10.000.000 đ
Tổng cộng			7.926.836	

*** TỔNG CỘNG SỐ TIỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: 206.097.752 đồng**

(Bằng chữ: Hai trăm lẻ sáu triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi hai đồng)

- Giá trị bồi thường hỗ trợ theo Quyết định 1551/QĐ-UBND ngày 31/7/2024: 66.845.700 đ

- Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ và định cư điều chỉnh: 206.097.752 đ

- Chênh lệch tăng: 139.252.052 đ

**BẢNG TÍNH CHI TIẾT CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI
ĐỊNH CƯ**

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG VÀNH ĐAI I (ĐOẠN TỪ NGÃ BA LÊ DUẨN -
PHẠM HÙNG, PHƯỜNG 8 ĐẾN ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG 6, THÀNH
PHỐ SÓC TRĂNG), TỈNH SÓC TRĂNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 604/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 5 năm 2025 của
Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Họ và tên: **Ngô Thị Phụng**

Địa chỉ thường trú/tạm trú: 516/12 Tôn Đức Thắng, khóm 2, phường 5, Sóc Trăng

A. Chính sách bồi thường:

I. Các loại đất:

STT	Loại đất	Vị trí/tên đường	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnd)	Thành tiền (vnd)	Số tờ	Số thửa	Ghi chú
1	CLN	Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp hẻm 498 đường Tôn Đức Thắng; Hẻm 516 đường Tôn Đức Thắng	34,40	1.110.000	38.184.000	31	106	
Tổng cộng			34,40		38.184.000			

II. Nhà và công trình phụ:

III. Công trình, vật kiến trúc khác:

B. Chính sách hỗ trợ:

I. Hỗ trợ khác:

1. Nhà và công trình phụ:

STT	Loại nhà	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Nhà tạm: Nhà khung cột gỗ, cột gạch, cột bê tông đúc sẵn, mái lá, mái tole, vách lá, vách tole, không trần, nền láng xi măng	9,92	1.268.000			70	8.804.992	
2	Nhà bếp: Nhà khung cột gỗ, cột gạch, cột bê tông đúc sẵn, mái lá, mái tole, vách lá, vách tole, không trần, nền láng xi măng	15,96	1.268.000			70	14.166.096	
Tổng cộng							22.971.088	

2. Công trình, vật kiến trúc khác:

STT	Hạng mục	Khối lượng (m ² , m ³ , cái, ...)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Đal bếp BTCT: Khối bê tông có cốt thép	0,339	4.729.000			70	1.122.192	
Tổng cộng							1.122.192	

II. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:

STT	Tổng giá trị bồi thường nhà, công trình, cây trồng	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
-----	--	-----------	------------------	---------

1	62.277.280	4	2.491.091	Được tính bằng 4% tổng số tiền bồi thường
Tổng cộng			2.491.091	

*** TỔNG CỘNG SỐ TIỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: 64.768.371 đồng**
(Bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, ba trăm bảy mươi một đồng)

- Giá trị bồi thường hỗ trợ theo Quyết định 1551/QĐ-UBND ngày 31/7/2024: 38.184.000đ
- Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ và định cư điều chỉnh: 64.768.371 đ
- Chênh lệch tăng: 26.584.371 đ



Điện tích (m²)

XIII. BẢNG TỔNG HỢP CHÊNH LỆCH CHI PHÍ BỒI THƯỜNG ĐIỀU CHỈNH, BỎ SỬNG

CHI PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN 2%